PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 167/2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2016

NGHỊ ĐỊNH
Về kinh doanh hàng miễn thuế

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định về kinh doanh hàng miễn thuế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế bao gồm: thủ tục đối với hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa

hàng miễn thuế, giám sát hải quan đối với hàng hóa miễn thuế trong việc vận chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay, giám sát việc đưa tiền vào, tiền ra của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế trong khu cách ly, khu vực hạn chế, hoạt động bán hàng miễn thuế, thực hiện báo cáo về hàng hóa miễn thuế với cơ quan hải quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người xuất cảnh, quá cảnh, nhập cảnh.

2. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.

3. Thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế.

4. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam.

5. Doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan Hải quan, công chức Hải quan.

7. Đơn vị kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế.

8. Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế, đơn vị được giao quản lý cửa khẩu đường bộ quốc tế.

9. Tổ chức có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế.

10. Các cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

Chương II
QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

Điều 3. Đối tượng và điều kiện mua hàng miễn thuế

1. Người xuất cảnh, quá cảnh sau khi hoàn thành thủ tục xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam hoặc người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế:

a) Người xuất cảnh, quá cảnh qua các cửa khẩu đường bộ quốc tế; cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế, cửa khẩu cảng biển loại 1, cửa khẩu cảng hàng không dân dụng quốc tế được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế nằm trong khu vực cách ly; hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay;

b) Người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Hàng hóa miễn thuế được nhận tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu quốc tế nơi hành khách xuất cảnh;

c) Khách du lịch là người nước ngoài theo đoàn bằng đường biển, có hộ chiếu hoặc giấy thông hành hoặc thẻ đi bờ của hành khách xuất nhập cảnh theo quy định nhưng không có thị thực nhập cảnh, không có tờ khai nhập cảnh, xuất cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa khẩu cảng biển loại 1, cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Hàng hóa miễn thuế được nhận tại cửa khẩu xuất cảnh sau khi khách du lịch hoàn thành thủ tục xuất cảnh.

2. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đến Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam.

3. Người nhập cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế đặt tại khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng quốc tế ngay sau khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh, không được mua hàng miễn thuế sau khi đã ra khỏi khu vực hạn chế tại cảng hàng không dân dụng quốc tế.

4. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Khi mua hàng miễn thuế cho tổ chức phải xuất trình sổ định mức hàng miễn thuế. Khi mua hàng miễn thuế cho cá nhân phải xuất trình sổ định mức hàng miễn thuế kèm chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp hoặc hộ chiếu.

5. Đối tượng mua hàng là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế (bao gồm tàu biển có quốc tịch nước ngoài và tàu biển có quốc tịch Việt Nam chạy tuyến quốc tế) được mua hàng miễn thuế tại cảng biển loại 1, cửa hàng miễn thuế trong nội địa phục vụ cho nhu cầu cá nhân, nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên để sử dụng trên tàu trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam và để sử dụng trên tàu ngoài lãnh hải Việt Nam sau khi tàu xuất cảnh.

a) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân thuyền viên phải xuất trình hộ chiếu hoặc thẻ đi bờ của thuyền viên;

b) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam, thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu có đơn đặt hàng kèm theo danh sách thuyền viên có thông tin về số hộ chiếu của từng thuyền viên, trên đơn phải ghi rõ thông tin về số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh;

c) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên cho hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam, thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu có đơn đặt hàng, trên đơn đặt hàng phải ghi rõ thông tin về số hiệu tàu, ngày tàu nhập

cảnh, kèm theo danh sách thuyền viên có thông tin số hộ chiếu của từng thuyền viên. Hàng hóa phải được đưa vào kho chứa của tàu để cơ quan hải quan nơi tàu xuất cảnh niêm phong, xác nhận, giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh.

Điều 4. Chính sách thuế đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế

1. Hàng hóa tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế được miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng.

2. Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được hưởng các chính sách thuế như đối với hàng hóa tạm xuất.

3. Đối với hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 5. Quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế

1. Nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế được thực hiện theo Giấy phép của Bộ Công Thương.

2. Hồ sơ cấp phép gồm:

a) Công văn của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đề nghị cho phép nhập khẩu thuốc lá để bán tại cửa hàng miễn thuế theo Mẫu 03/CV kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư: 01 bản sao. Đối với doanh nghiệp đề nghị cấp phép lần đầu phải nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế: 01 bản sao;

c) Báo cáo tình hình nhập khẩu, tồn kho và tiêu thụ thuốc lá từ đầu năm đến thời điểm đề nghị cấp phép, có xác nhận của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu 04/BCNKTKTL kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

3. Trình tự, thủ tục cấp phép

a) Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Bộ Công Thương;

b) Thời gian cấp phép

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (tính theo dấu công văn đến của Bộ Công Thương) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp để kinh doanh hàng miễn thuế. Trường hợp từ chối cấp phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời nêu rõ lý do không cấp.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc (tính theo dấu công văn đến của Bộ Công Thương) kể từ ngày nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Bộ Công Thương thông báo và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ (hình thức thông báo bằng văn bản, fax, email, điện thoại,...).

4. Thuốc lá điếu nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế phải in cảnh báo sức khỏe trên bao bì bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh phù hợp với quy định của pháp luật về phòng chống tác hại thuốc lá và Công ước khung về kiểm soát thuốc lá (FCTC).

5. Hàng hóa tạm nhập khẩu đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế không phải kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm khi làm thủ tục tạm nhập khẩu. Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm tuân thủ theo quy định của pháp luật.

6. Hàng hóa, sản phẩm (tạm nhập khẩu, nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước) có nội dung văn hóa, văn học, nghệ thuật, vui chơi giải trí thể hiện trên mọi chất liệu chỉ được phép bán tại cửa hàng miễn thuế sau khi đã được cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa có thẩm quyền cho phép phổ biến, lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng đủ các điều kiện khác về chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật.

7. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm.

8. Trường hợp theo điều ước quốc tế về quản lý chuyên ngành mà Việt Nam là thành viên có quy định về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa hoặc an toàn thực phẩm đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế khác với quy định tại Điều này thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

Điều 6. Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế

1. Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế bao gồm: hàng hóa tạm nhập khẩu vào Việt Nam; hàng hóa sản xuất tại Việt Nam; hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế là mặt hàng không thuộc danh mục hàng cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu. Nếu là mặt hàng xuất khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hàng hóa tạm nhập khẩu đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.

2. Hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được quản lý theo chế độ tạm xuất.

3. Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế phải được lưu giữ tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp bán hàng miễn thuế.

4. Thời gian lưu giữ hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 47 Luật hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014.

5. Các mặt hàng thuốc lá, xì gà, rượu, bia bán tại cửa hàng miễn thuế phải dán tem "VIET NAM DUTY NOT PAID" do Bộ Tài chính phát hành. Vị trí dán tem "VIET NAM DUTY NOT PAID" thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Tem phải được dán trước khi bày bán tại cửa hàng miễn thuế hoặc trước khi giao cho đối tượng mua hàng trong trường hợp hàng được xuất thẳng từ kho chứa hàng miễn thuế đến đối tượng mua hàng.

6. Trường hợp hàng hóa tạm nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế được đưa vào bán ở thị trường nội địa thì chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu, chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu được thực hiện tại thời điểm mở tờ khai hải quan mới để đưa vào bán ở thị trường nội địa, trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.

7. Trường hợp hàng hóa được quản lý theo chế độ tạm xuất được bán trở lại thị trường nội địa thì doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa tái nhập khẩu.

8. Hàng hóa đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng không được bán phục vụ tiêu dùng; doanh nghiệp lập biên bản về tình trạng hàng hóa có xác nhận của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và tổ chức hủy bỏ theo quy định dưới sự giám sát của cơ quan hải quan. Việc hủy bỏ phải thực hiện trước khi hết thời hạn của tờ khai tạm nhập, tạm xuất (bao gồm cả thời gian gia hạn tạm nhập, tạm xuất).

9. Hàng hóa là hàng mẫu, hàng thử đưa vào cửa hàng miễn thuế cho khách mua hàng dùng thử (giấy thử mùi nước hoa, rượu, mỹ phẩm thử, nước hoa dùng thử...) doanh nghiệp thực hiện quản lý riêng hàng hóa này, đảm bảo đúng mục đích và phải thực hiện báo cáo quyết toán với cơ quan hải quan.

Điều 7. Đồng tiền dùng trong giao dịch tại cửa hàng miễn thuế

1. Đồng Việt Nam.

2. Các ngoại tệ tự do chuyển đổi.

3. Đồng tiền của nước có chung biên giới đất liền với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế tại khu vực biên giới.

Điều 8. Định lượng mua hàng miễn thuế

1. Người xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam hoặc người chờ xuất cảnh quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định này được mua hàng miễn thuế không hạn chế số lượng và trị giá nhưng phải tự chịu trách nhiệm về thủ tục và định lượng để nhập khẩu vào nước nhập cảnh.

2. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đến Việt Nam, người nhập cảnh quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 3 Nghị định này được mua hàng miễn thuế theo định mức quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định này được mua hàng miễn thuế theo định lượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

4. Đối tượng quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 3 Nghị định này được mua hàng miễn thuế phục vụ cho nhu cầu cá nhân, nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên trên tàu biển chạy tuyến quốc tế trong thời gian tàu biển neo đậu tại cảng biển Việt Nam, định mức mỗi thuyền viên trong một lần tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam như sau:

a) Rượu từ 20 độ trở lên: 1,5 lít hoặc rượu dưới 20 độ: 2,0 lít hoặc đồ uống có cồn, bia: 3,0 lít.

Đối với rượu nguyên chai, bình, lọ, can (sau đây viết tắt là chai) có dung tích lớn hơn dung tích quy định nhưng không vượt quá 01 lít thì được miễn thuế cả chai. Trường hợp vượt quá 01 lít thì phần vượt định mức phải nộp thuế theo quy định của pháp luật;

b) Thuốc lá điếu: 200 điếu hoặc thuốc lá sợi: 250 gam hoặc xì gà: 20 điếu.

5. Đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 3 Nghị định này được mua hàng miễn thuế không hạn chế về số lượng và trị giá để sử dụng trên tàu ngoài lãnh hải Việt Nam sau khi tàu xuất cảnh.

Chương III
THỦ TỤC, CÔNG TÁC GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

Điều 9. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế

1. Đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài: Doanh nghiệp thực hiện thủ tục tạm nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

2. Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam, hàng hóa

tạm nhập khẩu vào Việt Nam: Doanh nghiệp thực hiện thủ tục tạm xuất, tái xuất theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Điều 10. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế

1. Đối với kho chứa hàng miễn thuế đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế, việc vận chuyển hàng hóa giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế tự chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý.

2. Đối với kho chứa hàng miễn thuế đặt trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế khác với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế:

a) Doanh nghiệp có trách nhiệm truyền thông tin hàng hóa vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trước khi vận chuyển hàng hóa, khi vận chuyển hàng hóa giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế phải kèm theo chứng từ xuất kho, xuất khỏi cửa hàng miễn thuế. Trong trường hợp thực hiện thủ công hoặc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản về việc vận chuyển hàng hóa với cơ quan hải quan và truyền dữ liệu vào hệ thống trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục;

b) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển theo nguyên tắc quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Phê duyệt văn bản thông báo của doanh nghiệp về việc vận chuyển trong trường hợp thực hiện thủ công hoặc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố;

c) Ngay sau khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khôi phục, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm thông báo (bằng văn bản, email, điện thoại, fax,...) với doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế về việc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khôi phục.

3. Đối với trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế, không đặt trong khu cách ly, khu vực hạn chế:

a) Doanh nghiệp có trách nhiệm truyền các thông tin (tên hàng, số lượng, tuyến đường vận chuyển) về việc vận chuyển hàng hóa đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trước khi thực hiện vận chuyển hàng hóa, in 01 bản giấy về các thông tin về tên hàng, số lượng, tuyến đường vận chuyển dùng làm chứng từ lưu thông hàng hóa. Trong trường hợp thực hiện thủ công hoặc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, doanh nghiệp thực hiện thông báo bằng văn bản về việc vận chuyển và chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt. Trong vòng

24 giờ kể từ khi sự cố được khắc phục, doanh nghiệp phải truyền dữ liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đến đúng địa điểm đăng ký vận chuyển đến;

b) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện để vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế; thực hiện phê duyệt vận chuyển hàng hóa trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử ngay sau khi doanh nghiệp truyền đến hoặc có văn bản do doanh nghiệp xuất trình. Niêm phong hàng hóa trước khi vận chuyển, ghi rõ số niêm phong hải quan trên bản giấy của doanh nghiệp. Khi hàng hóa vận chuyển đến địa điểm, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra niêm phong, xác nhận trên văn bản của doanh nghiệp, thực hiện giám sát hàng hóa nhập vào kho chứa hàng miễn thuế hoặc cửa hàng miễn thuế;

c) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.

Điều 11. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và tàu bay phục vụ bán hàng trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế:

a) Khi đưa hàng từ kho chứa hàng miễn thuế đến tàu bay, doanh nghiệp lập phiếu giao nhận hàng hóa có các thông tin sau: chuyến bay, thời gian giao nhận, tên hàng, đơn vị tính, số lượng, xác nhận của doanh nghiệp, xác nhận của hãng hàng không, xác nhận của cơ quan hải quan;

b) Thực hiện truyền các thông tin trên phiếu giao nhận hàng hóa: chuyến bay, thời gian giao nhận, tên hàng, đơn vị tính, số lượng đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

c) Thực hiện vận chuyển hàng hóa dưới sự giám sát của Chi cục Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế từ kho chứa hàng miễn thuế đến tàu bay;

d) Đối với hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế: doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện niêm phong xe hàng miễn thuế trước khi đưa xe hàng ra khỏi tàu bay;

đ) Lập 02 bảng kê lượng tiền mặt, ngoại tệ có các thông tin sau: Thông tin về chuyến bay; tên, chức vụ của người giao tiền, người nhận tiền; loại tiền, mệnh giá, số lượng, tổng số tiền. Xuất trình cho cơ quan hải quan xác nhận ngay sau khi nhận bàn giao từ đại diện của tiếp viên hàng không. Cập nhật vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử các thông tin trên bảng kê lượng tiền mặt, ngoại tệ.

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế:

a) Giám sát hàng hóa xếp lên xe hàng, niêm phong hải quan, giám sát việc đưa hàng đến cửa tàu bay. Xác nhận vào phiếu giao nhận hàng hóa do doanh nghiệp lập, ghi rõ số niêm phong hải quan;

b) Giám sát xe hàng từ tàu bay xuống để nhập kho, kiểm tra, giám sát xe hàng vào kho và xác nhận trên phiếu nhập kho của doanh nghiệp;

c) Xác nhận 02 bảng kê lượng tiền mặt, ngoại tệ do doanh nghiệp xuất trình ngay sau khi doanh nghiệp nhận bàn giao từ đại diện tiếp viên hàng không; lưu 01 bản và chuyển doanh nghiệp 01 bản; thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Điều 12. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người xuất cảnh, quá cảnh, khách trên tàu bay xuất cảnh, khách du lịch bằng đường biển, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam

1. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng cho khách xuất cảnh, quá cảnh tại khu cách ly:

a) Yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành;

b) Nhập dữ liệu vào phần mềm của doanh nghiệp các thông tin về khách hàng và hàng hóa khách hàng mua.

Thông tin về khách hàng: Họ và tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy thông hành; số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành; quốc tịch; số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date) được ghi trên thẻ lên tàu bay (Boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không; hoặc ngày khởi hành của phương tiện đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường sắt, đường biển; tên tàu, ngày đến cảng đối với khách hàng sử dụng thẻ đi bờ của hành khách.

Thông tin về hàng hóa: Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng đã khai báo trên tờ khai nhập; số lượng, trị giá của từng mặt hàng;

c) Thực hiện truyền thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống được khôi phục, doanh nghiệp thực hiện truyền thông tin đến hệ thống dữ liệu điện tử;

d) Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) theo quy định;

đ) Lưu hóa đơn bán hàng theo ngày bán hàng (trường hợp hóa đơn bán hàng là từng cuộn thì lưu theo từng cuộn).

2. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng trên tàu bay xuất cảnh:

a) Yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu;

b) Khi bán hàng, tiếp viên hàng không phải ghi đầy đủ thông tin: Tên khách hàng, số hộ chiếu, quốc tịch, số hiệu chuyến bay (flight), thẻ lên tàu bay (Boarding pass), tên hàng, đơn vị tính, số lượng, trị giá trên hóa đơn bán hàng. Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập;

c) Trong vòng 24 giờ kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định theo quy định (khi tàu bay thực hiện chuyến bay về Việt Nam), doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế phải kê khai trên phần mềm của doanh nghiệp các nội dung gồm: Tên khách hàng, số hộ chiếu, quốc tịch, số hiệu chuyến bay (flight), thẻ lên tàu bay (Boarding pass), tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập, số lượng, trị giá trên hóa đơn bán hàng. Thực hiện truyền các dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trường hợp hệ thống gặp sự cố thực hiện truyền dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống được khôi phục.

3. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng cho khách du lịch bằng đường biển:

a) Yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành hoặc thẻ đi bờ của hành khách;

b) Nhập dữ liệu vào phần mềm của doanh nghiệp các thông tin về khách hàng và hàng hóa khách hàng mua.

Thông tin về khách hàng: Họ và tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy thông hành hoặc thẻ đi bờ của hành khách; số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành hoặc số thẻ đi bờ của hành khách; quốc tịch; ngày khởi hành của phương tiện; tên tàu, ngày đến cảng đối với khách hàng sử dụng thẻ đi bờ của hành khách.

Thông tin về hàng hóa: Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng đã khai báo trên tờ khai nhập; số lượng, trị giá của từng mặt hàng;

c) Thực hiện truyền thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống được khôi phục, doanh nghiệp thực hiện truyền thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

d) Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) theo quy định;

đ) Lưu hóa đơn bán hàng theo ngày bán hàng (trường hợp hóa đơn bán hàng là từng cuộn thì lưu theo từng cuộn);

e) Nhân viên của cửa hàng miễn thuế chịu trách nhiệm giao hàng cho khách du lịch trên tàu sau khi khách du lịch hoàn thành thủ tục xuất cảnh.

4. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng cho thuyền viên phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam:

a) Yêu cầu thuyền viên xuất trình hộ chiếu hoặc thẻ đi bờ của thuyền viên;

b) Nhập dữ liệu vào phần mềm của doanh nghiệp các thông tin về thuyền viên và hàng hóa thuyền viên mua.

Thông tin về thuyền viên: Họ và tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc thẻ đi bờ của thuyền viên; số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành hoặc số thẻ đi bờ của thuyền viên; quốc tịch; ngày khởi hành của phương tiện; hoặc tên tàu, ngày đến cảng đối với khách hàng sử dụng thẻ đi bờ của thuyền viên.

Thông tin về hàng hóa: Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng đã khai báo trên tờ khai nhập; số lượng, trị giá của từng mặt hàng;

c) Thực hiện truyền thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống được khôi phục, doanh nghiệp thực hiện truyền thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

d) Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) theo quy định;

đ) Lưu hóa đơn bán hàng theo ngày bán hàng (trường hợp hóa đơn bán hàng là từng cuộn thì lưu theo từng cuộn).

5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế:

a) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 10 Nghị định này;

b) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

Điều 13. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế

1. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng miễn thuế:

a) Thực hiện đầy đủ các công việc quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định này;

b) Đối với trường hợp khách hàng mua hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lập 02 Phiếu thông báo vượt định mức của khách mua hàng miễn thuế theo Mẫu 01/PTBHVĐM kèm theo Nghị định này, thông báo cho bộ phận hải quan tại cửa khẩu nhập (bằng bản giấy và truyền dữ liệu trên hệ thống). Nhận lại và lưu 01 Phiếu thông báo đã ký tên, đóng dấu công chức của công chức hải quan tại cửa khẩu nhập. Riêng mặt hàng thuốc lá không được bán vượt định mức miễn thuế.

2. Người mua hàng miễn thuế vượt định mức miễn thuế có trách nhiệm: Thực hiện kê khai, nộp thuế và các quy định pháp luật liên quan đến việc nhập khẩu đối với hàng hóa vượt định mức miễn thuế với cơ quan hải quan và nộp các chứng từ liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế:

a) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 10 Nghị định này;

b) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;

c) Thu thuế, lưu bản chụp các chứng từ quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 14. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam

1. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng (tiếp viên hàng không), doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế:

a) Yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu, thẻ lên tàu bay;

b) Khi bán hàng, tiếp viên hàng không phải ghi đầy đủ thông tin: Tên khách hàng, số hộ chiếu, quốc tịch, số hiệu chuyến bay (flight), thẻ lên tàu bay (Boarding pass), tên hàng, đơn vị tính, số lượng, trị giá trên hóa đơn bán hàng. Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập;

c) Chậm nhất 24 giờ, kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định theo quy định, doanh nghiệp phải kê khai trên phần mềm của doanh nghiệp các nội dung gồm: Tên khách hàng, số hộ chiếu, quốc tịch, số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date), tên hàng, số lượng, trị giá, tổng lượng, tổng trị giá. Thực hiện truyền số liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống được khôi phục, doanh nghiệp truyền dữ liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

d) Đối với trường hợp khách hàng mua hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lập 02 Phiếu thông báo vượt định mức của khách mua hàng miễn thuế theo Mẫu 01/PTBHVĐM kèm theo Nghị định này, thông báo cho bộ phận hải quan tại cửa khẩu nhập (bằng bản giấy và truyền dữ liệu trên hệ thống). Nhận lại và lưu 01 Phiếu thông báo đã ký tên, đóng dấu công chức của công chức hải quan tại cửa khẩu nhập. Riêng mặt hàng thuốc lá không được bán vượt định mức miễn thuế.

2. Người mua hàng miễn thuế vượt định mức miễn thuế có trách nhiệm: Thực hiện kê khai, nộp thuế và các quy định pháp luật liên quan đến việc nhập khẩu đối với hàng hóa vượt định mức miễn thuế với cơ quan hải quan và nộp các chứng từ liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế:

a) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 10 Nghị định này;

b) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, hoặc kiểm tra trực tiếp tại kho chứa hàng miễn thuế.

c) Thực hiện thu thuế, lưu bản chụp các chứng từ quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 15. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa

1. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng miễn thuế:

a) Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định này, trừ việc cập nhật thông tin về ngày, giờ xuất cảnh của khách hàng;

b) Lập Phiếu giao hàng theo Mẫu 02/PGH kèm theo Nghị định này: 2 liên;

c) Thực hiện truyền dữ liệu Phiếu giao hàng đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống được khôi phục, thực hiện truyền dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế:

a) Chịu trách nhiệm vận chuyển và xuất trình hàng hóa kèm theo 02 liên của Phiếu giao hàng với hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh để bàn giao số hàng này cho người mua hàng tại khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh;

b) Trường hợp cửa hàng không xuất trình được Phiếu giao hàng có xác nhận của hải quan cửa khẩu khi Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra thì doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có trách nhiệm nộp đủ thuế như đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định hiện hành đối với số hàng đã bán.

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế:

a) Theo dõi phản hồi về Phiếu giao hàng đã được cơ quan hải quan xác nhận;

b) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 10 Nghị định này;

c) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh:

a) Tiếp nhận hàng và Phiếu giao hàng do nhân viên của cửa hàng miễn thuế trong nội địa xuất trình;

b) Kiểm tra đối chiếu hàng với nội dung kê khai trên Phiếu giao hàng;

c) Xác nhận ký tên và đóng dấu công chức trên Phiếu giao hàng;

d) Giao 01 liên Phiếu giao hàng cho nhân viên giao hàng của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lưu và lưu 01 liên;

đ) Cuối mỗi ngày (ca) công chức hải quan xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số phiếu giao hàng đã được xác nhận. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố, trong vòng 24 giờ sau khi hệ thống được khôi phục, thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số phiếu giao hàng đã được xác nhận.

Điều 16. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa

1. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng:

a) Yêu cầu khách hàng xuất trình sổ định mức miễn thuế, trừ trường hợp sổ định mức miễn thuế đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cập nhật thông tin vào cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Nhập toàn bộ thông tin về định lượng hàng hóa tại sổ định mức miễn thuế khách hàng xuất trình hoặc dữ liệu về sổ định mức từ cổng thông tin một cửa quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền cập nhật (đối với trường hợp sử dụng sổ lần đầu) và truyền đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

c) Xuất trình bản chính sổ định mức mua hàng miễn thuế cho cơ quan hải quan để xác nhận định mức mua hàng miễn thuế được cấp phép trên hệ thống đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này;

d) Nhập các thông tin quy định trên hóa đơn bán hàng vào phần mềm của doanh nghiệp. Thực hiện truyền dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, nhận phản hồi từ hệ thống. Trường hợp hệ thống gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố được khắc phục, thực hiện truyền dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

đ) Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) theo quy định;

e) Cắt ô tem tương ứng mặt hàng đã bán trên sổ định mức hàng miễn thuế dán vào hóa đơn bán hàng đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này. Trường hợp hóa đơn dạng cuộn, doanh nghiệp thực hiện lưu ô tem tương ứng theo từng hóa đơn bán hàng;

g) Lưu hóa đơn bán hàng theo ngày bán hàng (hoặc theo cuộn nếu hóa đơn ở dạng cuộn).

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế:

a) Đối với khách hàng lần đầu tiên mua hàng miễn thuế theo sổ định mức mua hàng miễn thuế, cơ quan hải quan kiểm tra bản chính sổ định mức mua hàng miễn

thuế hoặc kiểm tra trên cổng thông tin một cửa quốc gia về định lượng mua hàng miễn thuế, xác nhận trên hệ thống lượng hàng miễn thuế được phép mua của khách hàng để hệ thống trừ lùi định mức mua hàng miễn thuế;

b) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;

c) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

Điều 17. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế

1. Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam chờ xuất cảnh, nhân viên bán hàng có trách nhiệm:

a) Yêu cầu người đặt hàng xuất trình hộ chiếu, nộp 01 bản chính đơn đặt hàng và 01 bản chính danh sách thuyền viên;

b) Kiểm tra đơn đặt hàng của thuyền trưởng hoặc người đại diện của tàu, danh sách thuyền viên, kiểm tra định mức mua hàng của từng thuyền viên;

c) Nhập dữ liệu đơn hàng vào hệ thống phần mềm của doanh nghiệp; thực hiện truyền dữ liệu đến hệ thống, nhận phản hồi từ hệ thống. Trường hợp hệ thống gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống được khôi phục, doanh nghiệp thực hiện truyền dữ liệu đến hệ thống;

d) Thực hiện xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có), trên hóa đơn có đầy đủ các thông tin: họ tên, số hộ chiếu, quốc tịch của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu, số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh;

đ) Lưu hóa đơn bán hàng có chữ ký của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu, đơn đặt hàng và danh sách thuyền viên.

2. Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế phục vụ cho hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam, nhân viên bán hàng có trách nhiệm:

a) Yêu cầu người đặt hàng xuất trình hộ chiếu, nộp 01 bản chính đơn đặt hàng và 01 bản chính danh sách thuyền viên;

b) Kiểm tra đơn hàng, danh sách thuyền viên. Nhập các thông tin về hóa đơn trên phần mềm của doanh nghiệp: số hộ chiếu, quốc tịch của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu; số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh; tên hàng, số lượng, trị giá của

từng mặt hàng. Thực hiện truyền dữ liệu đến hệ thống, nhận phản hồi từ hệ thống. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố được khắc phục, thực hiện truyền dữ liệu đến hệ thống;

c) Thực hiện xuất hóa đơn bán hàng theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa vào kho của tàu;

đ) Lưu hóa đơn bán hàng có chữ ký của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu và xác nhận của công chức hải quan nơi thực hiện thủ tục xuất cảnh tàu, đơn đặt hàng và danh sách thuyền viên;

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế:

a) Giám sát hàng hóa từ cửa hàng miễn thuế đến khi hàng hóa chịu sự giám sát của cơ quan hải quan nơi tàu xuất cảnh;

b) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi thực hiện thủ tục xuất cảnh tàu: Thực hiện niêm phong kho của tàu chứa hàng miễn thuế, xác nhận hàng qua khu vực giám sát (ký tên, đóng dấu công chức hải quan trên hóa đơn bán hàng) và giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh.

Điều 18. Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế chuyển mục đích

1. Hình thức chuyển đổi mục đích: Tái xuất, tái nhập, chuyển tiêu thụ nội địa.

2. Thủ tục chuyển đổi mục đích hàng hóa tạm nhập khẩu

a) Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có văn bản đề nghị tái xuất hoặc tái nhập hoặc chuyển tiêu thụ nội địa, văn bản đề nghị phải ghi rõ từng mặt hàng, mã số hàng, số lượng, trị giá, số tờ khai tạm nhập hoặc số tờ khai tạm xuất: 01 bản chính;

b) Thủ tục tái xuất, tái nhập, chuyển tiêu thụ nội địa thực hiện theo quy định hiện hành;

c) Chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hóa chuyển tiêu thụ nội địa thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan chuyển mục đích sử dụng. Riêng mặt hàng thuốc lá không được phép chuyển tiêu thụ nội địa.

3. Trường hợp hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế sau đó đưa trở lại nội địa thì thực hiện theo quy định như đối với hàng hóa kinh doanh tái nhập đồng thời thực hiện hủy

tem "VIET NAM DUTY NOT PAID" đã dán lên từng mặt hàng dưới sự giám sát của cơ quan hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, lập biên bản về số tem "VIET NAM DUTY NOT PAID" đã hủy.

Điều 19. Thủ tục đối với hàng hóa tiêu hủy, hàng mẫu, hàng thử

1. Hàng hóa đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 6 Nghị định này:

a) Khi lập biên bản về tình trạng hàng hóa đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, doanh nghiệp phải nêu rõ lý do và các thông tin về hàng hóa: tên hàng, mã số hàng, số lượng, trị giá. Trên cơ sở nội dung biên bản và thực tế kiểm tra hàng hóa, công chức hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế ký tên, đóng dấu công chức xác nhận đối với hàng hóa nêu trên;

b) Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.

2. Đối với hàng mẫu, hàng thử tại cửa hàng miễn thuế (không bao gồm hàng tặng kèm sản phẩm) thực hiện như sau:

a) Khi xuất hàng mẫu, hàng thử lên cửa hàng miễn thuế, doanh nghiệp lập bảng kê về số lượng, chủng loại gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, nhận phản hồi từ hệ thống;

b) Định kỳ hàng tháng (trong 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng), tổng hợp số liệu hàng mẫu, hàng thử đã sử dụng, còn tồn của tháng trước truyền đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Trường hợp số liệu báo cáo của doanh nghiệp không có nghi ngờ, trong vòng 03 ngày làm việc, cơ quan hải quan xác nhận trên hệ thống về số liệu báo cáo.

Trường hợp cơ quan hải quan nghi ngờ về số liệu doanh nghiệp báo cáo, trong vòng 07 ngày làm việc, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra các hồ sơ liên quan, trong trường hợp cần thiết kiểm tra thực tế lượng hàng tồn. Thực hiện xác nhận trên hệ thống về số liệu của doanh nghiệp theo kết luận kiểm tra.

Điều 20. Thủ tục đối với tiền mặt của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu vực hạn chế

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế:

a) Truyền dữ liệu theo Mẫu 05/BKTMVRCL kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trước khi đưa tiền mặt vào, ra khỏi khu cách ly;

b) Thực hiện các yêu cầu của cơ quan hải quan qua phản hồi của hệ thống. Xuất trình tiền mặt trong trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu.

2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Khi nhận được thông tin khai báo của doanh nghiệp và thông tin phản hồi của hệ thống cho doanh nghiệp, công chức hải quan kiểm tra các nội dung khai báo trên hệ thống;

b) Giám sát tiền mặt đưa vào, ra khu cách ly;

c) Kiểm tra thực tế tiền mặt đưa vào, đưa ra khu cách ly trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Công chức hải quan thực hiện xác nhận tiền mặt qua khu vực giám sát trên hệ thống đối với tiền mặt đưa vào, đưa ra khu cách ly.

3. Trường hợp thực hiện thủ công hoặc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố:

a) Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai trên 02 bảng kê theo Mẫu 05/BKTMVRCL kèm theo Nghị định này cho công chức hải quan kiểm tra, xác nhận. Xuất trình tiền mặt trong trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu. Đối với trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự cố của hệ thống được khắc phục, doanh nghiệp truyền các thông tin trên bảng kê đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

b) Cơ quan hải quan có trách nhiệm giám sát việc đưa tiền mặt vào hoặc ra khỏi khu cách ly. Kiểm tra thực tế tiền mặt trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Ngay sau khi hoàn thành việc kiểm tra tiền mặt (đối với trường hợp phải kiểm tra thực tế) hoặc tiền mặt qua khu vực giám sát, thực hiện xác nhận trên 02 bảng kê doanh nghiệp xuất trình, lưu 01 bản, trả lại doanh nghiệp 01 bản.

Điều 21. Báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế

1. Thời hạn nộp báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế:

a) Định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế nộp báo cáo quyết toán tình hình bán hàng miễn thuế trong năm tài chính cho cơ quan hải quan;

b) Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế sau khi nộp báo cáo quyết toán được phép sửa đổi, bổ sung nội dung báo cáo trong thời gian trước khi hết thời hạn nộp báo cáo quyết toán và trước thời điểm cơ quan hải quan có thông báo về việc thực hiện kiểm tra hay không kiểm tra đối với báo cáo quyết toán.

2. Địa điểm nộp báo cáo quyết toán

Tại Chi cục Hải quan nơi quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế hoặc tại Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính đối với trường

hợp một doanh nghiệp có nhiều địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế chịu sự quản lý của nhiều Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác nhau.

3. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế:

a) Nộp báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế: Nộp báo cáo quyết toán theo nguyên tắc nhập - xuất - tồn kho theo Mẫu 07/BCQT kèm theo Nghị định này cho cơ quan hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Báo cáo quyết toán phải phù hợp với chứng từ hạch toán kế toán của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế. Trong trường hợp thực hiện thủ công, nộp 02 bản giấy (bản chính);

b) Cung cấp hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán, sổ kế toán, chứng từ bán hàng, các giấy tờ khác (nếu có) để phục vụ công tác kiểm tra báo cáo quyết toán khi được cơ quan hải quan yêu cầu.

4. Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo quyết toán tình hình kinh doanh hàng miễn thuế do doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế nộp và kiểm tra báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều này.

5. Các trường hợp kiểm tra báo cáo quyết toán:

a) Báo cáo quyết toán của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế nộp lần đầu;

b) Báo cáo quyết toán có sự chênh lệch bất thường về số liệu so với hệ thống của cơ quan hải quan đã được doanh nghiệp giải trình nhưng không được cơ quan hải quan chấp nhận;

c) Kiểm tra báo cáo quyết toán trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro, đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế;

d) Báo cáo quyết toán của từng cửa hàng miễn thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có nhiều cửa hàng miễn thuế chịu sự quản lý của Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác nhau.

6. Nội dung kiểm tra báo cáo quyết toán

Nội dung kiểm tra: hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán, lượng hàng tồn tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế. Doanh nghiệp xuất trình hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán đối với các chứng từ thể hiện số liệu không được lưu trữ trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hoặc có sự khác nhau giữa hệ thống xử lý dữ liệu điện tử với số liệu doanh nghiệp báo cáo.

7. Thẩm quyền quyết định kiểm tra

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế ban hành quyết định và tổ chức thực hiện việc kiểm tra.

8. Thời gian kiểm tra

Đối với báo cáo quyết toán phải thực hiện kiểm tra, cơ quan hải quan phải thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán. Việc kiểm tra được thực hiện không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc.

9. Trình tự, thủ tục kiểm tra: Việc kiểm tra báo cáo quyết toán thực hiện theo quyết định của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và gửi cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra. Nội dung kiểm tra được ghi nhận bằng các biên bản kiểm tra giữa đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế và đoàn kiểm tra. Quyết định kiểm tra phải có các thông tin: người kiểm tra, người bị kiểm tra, nội dung kiểm tra, thời gian bắt đầu kiểm tra, thời gian kết thúc kiểm tra, địa điểm thực hiện việc kiểm tra.

10. Xử lý kết quả kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế, cơ quan hải quan phải có thông báo kết quả kiểm tra với doanh nghiệp được kiểm tra về sự phù hợp, nội dung không phù hợp của báo cáo quyết toán (nếu có) để doanh nghiệp giải trình.

a) Trường hợp kiểm tra xác định báo cáo quyết toán phù hợp với chứng từ kế toán, sổ kế toán, phù hợp với hồ sơ hàng hóa thực hiện kinh doanh hàng miễn thuế, cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra và xác nhận kết quả kiểm tra trên báo cáo quyết toán; cập nhật kết quả kiểm tra vào hệ thống;

b) Trường hợp không phù hợp với chứng từ kế toán, sổ kế toán, không phù hợp với hồ sơ hàng hóa kinh doanh hàng miễn thuế, cơ quan hải quan yêu cầu doanh nghiệp giải trình trong vòng 05 ngày làm việc. Trường hợp cơ quan hải quan chấp nhận nội dung giải trình của doanh nghiệp, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra, xác nhận vào báo cáo quyết toán và cập nhật kết quả vào hệ thống;

c) Trường hợp cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung giải trình của doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không giải trình, cơ quan hải quan căn cứ quy định pháp luật về thuế, hải quan và hồ sơ hiện có để quyết định xử lý về thuế và xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Bản kết luận kiểm tra phải có các nội dung: Quyết định kiểm tra, phạm vi kiểm tra, nội dung kiểm tra, ý kiến của người được kiểm tra, kết luận về từng nội dung được kiểm tra, mức độ vi phạm (nếu có), biện pháp xử lý, kiến nghị đề xuất của đoàn kiểm tra về biện pháp xử lý.

11. Đối với các báo cáo quyết toán không thuộc trường hợp phải kiểm tra, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán của doanh nghiệp, cơ quan hải quan phản hồi qua hệ thống đến doanh nghiệp về báo cáo quyết toán được chấp nhận và không thực hiện kiểm tra, cơ quan hải quan xác nhận trên hệ thống doanh nghiệp hoàn thành báo cáo quyết toán.

Điều 22. Thủ tục hải quan đối với trường hợp một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác nhau

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

a) Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa để đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định tại Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính;

b) Có hệ thống phần mềm quản lý đối với từng cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, được kết nối với các Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính theo dõi được trên hệ thống phần mềm của doanh nghiệp về hàng hóa của tất cả các cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;

c) Khi hàng hóa xuất ra khỏi cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế để chuyển đến cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thuộc quản lý của Chi cục Hải quan khác, doanh nghiệp lập phiếu xuất kho theo quy định và có các thông tin: địa điểm cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế được vận chuyển đến; Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế được vận chuyển đến;

d) Chịu trách nhiệm vận chuyển nguyên trạng hàng hóa đến các địa điểm cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế ghi trên phiếu xuất kho;

đ) Nộp báo cáo quyết toán theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định này đến Chi cục Hải quan quản lý từng cửa hàng miễn thuế trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết năm tài chính của doanh nghiệp. Trường hợp thực hiện thủ công, doanh nghiệp nộp 03 bản giấy (bản chính) báo cáo quyết toán đến cơ quan hải quan (01 bản tại cơ quan hải quan quản lý từng cửa hàng miễn thuế, 01 bản lưu tại cửa hàng miễn thuế, 01 bản doanh nghiệp nộp cho cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có trụ sở chính);

e) Nộp báo cáo quyết toán chung của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định tại Điều 21 Nghị định này đến Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính. Trường hợp thực hiện thủ công, ngoài báo cáo quyết toán chung, doanh nghiệp nộp báo cáo quyết toán của từng cửa hàng miễn thuế có xác nhận của cơ quan hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế hoàn thành việc kiểm tra báo cáo quyết toán;

g) Tuân thủ các quy định về kiểm tra báo cáo quyết toán quy định tại Điều 21 Nghị định này.

2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan nơi hàng hóa chuyển đi:

a) Thực hiện giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện vận chuyển, niêm phong hải quan;

b) Căn cứ thông tin trên phiếu xuất kho, thực hiện lập 02 biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan theo Mẫu 06/BBBG kèm theo Nghị định này và giao cho doanh nghiệp để chuyển đến Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế nơi hàng hóa được vận chuyển đến;

c) Theo dõi thông tin về hàng hóa được vận chuyển đi, chủ trì truy tìm trong trường hợp quá thời hạn nhưng hàng hóa chưa đến địa điểm được vận chuyển đến.

3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan nơi hàng hóa chuyển đến:

a) Căn cứ biên bản bàn giao do Chi cục Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi lập, thực hiện giám sát hàng hóa đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế;

b) Thực hiện xác nhận trên 02 biên bản bàn giao, 01 bản giao cho doanh nghiệp, 01 bản gửi cho Chi cục Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi;

c) Theo dõi thông tin về hàng hóa vận chuyển, phối hợp với Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đi để truy tìm trong trường hợp quá thời hạn nhưng hàng chưa đến địa điểm được vận chuyển đến.

4. Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận báo cáo quyết toán, kiểm tra báo cáo quyết toán, gửi kết luận kiểm tra và báo cáo quyết toán đã hoàn thành kiểm tra đến Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính. Thời gian hoàn thành việc kiểm tra là 45 ngày kể từ ngày doanh nghiệp nộp báo cáo quyết toán;

b) Thực hiện kiểm tra theo quy định tại Khoản 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 21 Nghị định này.

5. Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận báo cáo quyết toán riêng từng cửa hàng miễn thuế, báo cáo quyết toán chung của doanh nghiệp, kết luận kiểm tra của Chi cục Hải quan quản lý từng cửa hàng miễn thuế;

b) Thực hiện việc kiểm tra tính hợp lý giữa các báo cáo quyết toán của từng cửa hàng miễn thuế, tính hợp lý giữa số liệu báo cáo và số liệu trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Thực hiện xác nhận báo cáo quyết toán chung của doanh nghiệp kinh doanh

hàng miễn thuế. Trường hợp số liệu trên báo cáo quyết toán và số liệu trên hệ thống có sự bất hợp lý, Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính có công văn trao đổi với Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế phát sinh số liệu bất hợp lý. Trường hợp phức tạp, báo cáo lãnh đạo Cục Hải quan tỉnh, thành phố để Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan thành lập đoàn kiểm tra, thực hiện việc kiểm tra các cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp.

Điều 23. Trách nhiệm của đối tượng được mua hàng miễn thuế quy định tại Điều 3 Nghị định này

1. Người mua hàng miễn thuế khi mua hàng miễn thuế phải xuất trình, cung cấp những thông tin cần thiết khi mua hàng miễn thuế được quy định tại Nghị định này, không được cho người khác sử dụng hộ chiếu, tiêu chuẩn miễn thuế của mình.

2. Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, chính sách mặt hàng nhập khẩu với cơ quan hải quan trong trường hợp mua hàng vượt tiêu chuẩn định lượng miễn thuế.

Điều 24. Công tác phối hợp của đơn vị kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế, đơn vị được giao quản lý cửa khẩu đường bộ quốc tế, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế và cơ quan hải quan

1. Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thống nhất với đơn vị kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế, đơn vị được giao quản lý cửa khẩu đường bộ quốc tế về địa điểm cơ quan hải quan thực hiện giám sát hàng hóa, tiền mặt đưa vào, đưa ra khu vực cách ly, khu vực hạn chế.

2. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thông báo cho Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế danh sách những người có nhiệm vụ đưa hàng hóa, tiền mặt vào, ra khu cách ly, khu vực hạn chế và nhân viên bán hàng để đảm bảo các yêu cầu giám sát của cơ quan hải quan.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

2. Nghị định này bãi bỏ các văn bản sau:

a) Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế;

b) Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

d) Thông tư số 148/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quy chế kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kinh doanh hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Thông tư số 207/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 148/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quy chế kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế kinh doanh hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

e) Thông tư số 02/2010/TT-BCT ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu thuốc lá phục vụ kinh doanh hàng miễn thuế.

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thuộc các tờ khai tạm nhập, tạm xuất trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện thanh khoản theo quy định tại Thông tư số 148/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quy chế kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kinh doanh hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Bộ Tài chính có trách nhiệm xây dựng hệ thống xử lý dữ liệu điện tử để tiếp nhận, xử lý, theo dõi, quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, bán tại cửa hàng miễn thuế và hướng dẫn các vướng mắc phát sinh đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế.

2. Các bộ căn cứ chức năng nhiệm vụ hướng dẫn thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hóa tạm nhập khẩu đã được thông quan bán tại cửa hàng miễn thuế.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

QUY ĐỊNH VỊ TRÍ DÁN TEM "VIET NAM DUTY NOT PAID" ĐỐI VỚI HÀNG HÓA KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

(Kèm theo Nghị định số 167/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ)

1. Thuốc lá: Dán ở đầu tút thuốc. Đối với thuốc lá sợi, dán tem ở vị trí nắp hộp đảm bảo khi mở nắp để lấy sợi thuốc thì tem sẽ rách và không thể sử dụng lại.

2. Rượu chai (bao gồm cả hũ, bình): Dán tem vắt qua nơi rượu có thể được lấy ra trên bao bì chứa sản phẩm rượu (nắp chai, nắp hũ, nắp bình, vòi rượu...) đảm bảo khi mở chai thì tem sẽ rách và không thể sử dụng lại. Đối với các loại rượu đựng trong hộp cần bảo quản đặc biệt của nhà sản xuất (gắn xi, chì...) thì dán vào vị trí trên hộp đảm bảo khi mở hộp lấy chai thì tem sẽ rách và không thể sử dụng lại.

3. Bia các loại: Dán ở vỏ thùng carton. Đối với bia đựng trong thùng chứa từ 3 lít trở lên thì dán vào nắp thùng.

Mẫu 01/PTBHVĐM

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU THÔNG BÁO
VƯỢT ĐỊNH MỨC CỦA KHÁCH MUA HÀNG MIỄN THUẾ

Tên người mua hàng:.....
Số hộ chiếu:.....
Số hiệu chuyến bay:.....
Số hóa đơn:.....

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú

XÁC NHẬN CỦA CỬA HÀNG MIỄN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN
(Ký, đóng dấu công chức)

Mẫu 02/PGH

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU GIAO HÀNG
ĐỐI VỚI KHÁCH MUA HÀNG MIỄN THUẾ TRONG NỘI THÀNH

Tên người mua hàng:.....
Số hộ chiếu/giấy thông hành/thẻ lên bờ của hành khách:.....
Số hiệu chuyến bay, số hiệu phương tiện xuất cảnh (nếu có):.....
Số hóa đơn:.....
Ngày hóa đơn:.....

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI MUA HÀNG	XÁC NHẬN NHÂN VIÊN BÁN HÀNG MIỄN THUẾ	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu 03/CV

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ **Tên doanh nghiệp**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu thuốc lá	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ liên lạc:..... Số điện thoại:..... Số Fax:.....

Hoạt động kinh doanh miễn thuế phục vụ..... (*đối tượng mua hàng*) theo:..... *(Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư)*

Căn cứ tình hình nhập khẩu, tiêu thụ và tồn kho thuốc lá tại Cửa hàng miễn thuế phục vụ..... *(đối tượng mua hàng)* đến thời điểm..... (Báo cáo cụ thể có xác nhận của cơ quan hải quan gửi kèm theo đây),

Đề nghị Bộ Công Thương cấp phép nhập khẩu..... (trị giá tính theo USD) sản phẩm thuốc lá để bán tại cửa hàng miễn thuế phục vụ..... ..... của doanh nghiệp trong thời gian.....

Doanh nghiệp cam kết thực hiện việc nhập khẩu, bán hàng và thanh quyết toán thuế đúng quy định hiện hành.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 04/BCNKTKTL

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ **Tên doanh nghiệp**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO
Tình hình nhập khẩu, tồn kho và tiêu thụ thuốc lá
tại Cửa hàng miễn thuế của.....
Từ ngày..... đến ngày.....
(Kèm theo công văn số ngày / / 20... của.....)

TT	Loại thuốc lá	Đơn vị tính	Tồn kho đầu kỳ	Số lượng được phép nhập khẩu	Thực hiện nhập khẩu trong kỳ	Xuất bán trong kỳ	Xuất khác trong kì (tái xuất, tiêu hủy)*	Tồn kho cuối kỳ
	Tổng số							
	Trong đó:							
1	Thuốc lá điếu							
2	Xì gà							
3	Thuốc lá sợi							
	...							

* Ghi chú: trường hợp có xuất khác trong kỳ, đề nghị kèm theo chứng từ, tài liệu liên quan (tờ khai tái xuất có xác nhận thực xuất, hoặc Biên bản tiêu hủy thuốc lá).

XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC HẢI QUAN QUẢN LÝ CỬA HÀNG MIỄN THUẾ	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu 05/BKTMVRCL

BẢNG KÊ TIỀN MẶT MANG VÀO/RA KHU CÁCH LY, KHU HẠN CHẾ

..... ngày.... tháng.... năm....

(1) Tên doanh nghiệp:.....

(2) Địa chỉ: .....

(3) Mã số thuế:.....

(4) Cửa hàng: .....

Tiền mặt đưa vào khu cách ly, khu hạn chế				**Tiền mặt đưa ra khỏi khu cách ly, khu hạn chế**			
Số lượng tiền Việt Nam	**Ngoại tệ**		**Xác nhận công chức HQ giám sát khi đưa vào khu cách ly**	**Số lượng tiền Việt Nam**	**Ngoại tệ**		**Xác nhận công chức HQ giám sát khi đưa ra khỏi khu cách ly**
	Loại tiền	**Số lượng**			**Loại tiền**	**Số lượng**	
(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

(13) **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP KHI ĐƯA TIỀN MẶT VÀO KHU CÁCH LY**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(14) **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP KHI ĐƯA TIỀN MẶT RA KHỎI KHU CÁCH LY**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Tại cột (6) và cột (10) ghi rõ loại ngoại tệ mang vào/ra khu cách ly như: USD, EURO....

Mẫu 06/BBBG

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN:.....
Chi cục Hải quan.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....HQ-BBBG

BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG HÓA MIỄN THUẾ VẬN CHUYỂN CHỊU SỰ GIÁM SÁT HẢI QUAN

Hồi..... giờ.... phút, ngày... tháng.... năm....., Chi cục Hải quan..... Số điện thoại..... số fax.... bàn giao cho ông (bà).....

Đại diện của Công ty..... lô hàng thuộc tờ khai hải quan (phiếu xuất kho) số.... ngày.... tháng..... năm..... để vận chuyển đến Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố.... gồm:

1. Hồ sơ hải quan

a) ....

b) ...

2. Hàng hóa

STT	Số hiệu container hoặc biển kiểm soát xe chuyên dụng	Số niêm phong của hãng vận tải	Số niêm phong hải quan	Số lượng kiện đã niêm phong

Tình trạng xe container/xe chuyên dụng/hàng hóa.....
.....

Biên bản về tình trạng xe container/xe chuyên dụng/hàng hóa (nếu có), số.....

Thời gian vận chuyển.....; Tuyến đường vận chuyển:..... km.....

Ngày, giờ xuất phát:.....

Ngày, giờ đến:.....

Các vấn đề khác có liên quan đến hàng hóa và hồ sơ hải quan:.....
.....

NGƯỜI KHAI HẢI QUAN/NGƯỜI VẬN CHUYỂN	CHI CỤC HẢI QUAN NƠI HÀNG HÓA MIỄN THUẾ VẬN CHUYỂN ĐI	CHI CỤC HẢI QUAN NƠI HÀNG HÓA MIỄN THUẾ VẬN CHUYỂN ĐẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)*	*(Ký, đóng dấu số hiệu công chức)*

Mẫu 07/BCQT

Tên doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế
Mã số thuế:
Địa chỉ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ
Năm:.....

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng				Ghi chú
				Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Mặt hàng A	AP12345	chai/thỏi/gói/cái/chiếc...					

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Mã hàng hóa cột (3) là mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp;
- Báo cáo bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có.